



Bệnh Do Vi-rút Corona 2019 (COVID-19)

DANH MỤC >

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm: Trang web này được cập nhật thường xuyên. Một số nội dung có thể còn bằng tiếng Anh cho đến khi được dịch hết.

Số ca bệnh tại Hoa Kỳ

Cập nhật ngày 8 tháng 8 năm 2020 [ln](#)

TỔNG SỐ CA BỆNH

4,920,369

62,042 Số ca bệnh mới*

TỔNG SỐ CA TỬ VONG

160,220

1.340 Ca Tử Vong Mới*

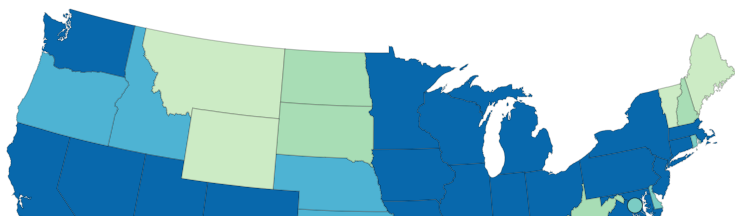
Quý vị muốn biết thêm dữ liệu?

Theo dõi dữ liệu COVID của CDC

Trang này được cập nhật hàng ngày dựa trên dữ liệu được xác nhận lúc 4:00 giờ chiều giờ miền Đông vào ngày hôm trước.

Số ca bệnh theo khu vực phân quyền

Bản đồ này hiển thị số ca bệnh COVID-19 được báo cáo bởi các tiểu bang của Hoa Kỳ, Thủ đô Washington, Thành phố New York và các khu vực phân quyền trực thuộc Hoa Kỳ khác. Di chuột qua các bản đồ để xem số ca bệnh được báo cáo trong mỗi khu vực phân quyền. Để truy cập trang web của sở y tế của một khu vực phân quyền, nhấp vào khu vực đó trên bản đồ.



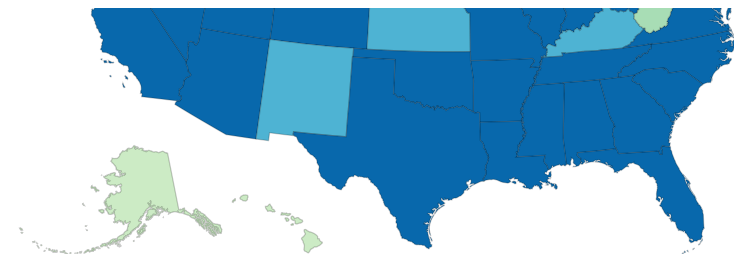
Các Ca Bệnh Đã Được Báo Cáo

☐ 0 đến 1.000

☐ 1,001 đến 5,000

☐ 5,001 đến 10,000

☐ 10,001 đến 20,000



AS GU MH FM MP PW PR VI



☐ 0 đến 5,000 ☐ 5,001 đến 10,000 ☐ 10,001 đến 20,000
☐ 20,001 đến 40,000 ☐ 40.001 trở lên

Khu vực phân quyền

Jurisdiction	Số Ca Bệnh Đã Xác Nhận	Số Ca Bệnh Có Thể Có	Tổng Số Ca
☐ Alabama	94,969	3,515	98,484
☐ Alaska	N/A	N/A	3,536
☐ American Samoa	N/A	N/A	0
☐ Arizona	183,791	1,262	185,053
☐ Arkansas	N/A	N/A	48,039
☐ California	N/A	N/A	538,416
☐ Colorado	46,656	3,237	49,893
☐ Connecticut	48,345	1,975	50,320
☐ Delaware	14,502	1,000	15,502
☐ Washington D.C.	N/A	N/A	12,589
☐ Florida	N/A	N/A	512,421
☐ Georgia	N/A	N/A	209,004
☐ Guam	N/A	N/A	411
☐ Hawaii	N/A	N/A	2,919
☐ Idaho	22,408	1,514	23,922
☐ Illinois	190,508	1,300	191,808
☐ Indiana	N/A	N/A	72,254
☐ Iowa	N/A	N/A	47,865
☐ Kansas	29,889	749	30,638
☐ Kentucky	31,635	2,161	33,796
☐ Louisiana	N/A	N/A	128,746
☐ Maine	3,609	417	4,026
☐ Marshall Islands	N/A	N/A	0
☐ Maryland	N/A	N/A	94,581
☐ Massachusetts	111,853	8,438	120,291
☐ Michigan	86,191	9,279	95,470
☐ Micronesia	N/A	N/A	0
☐ Minnesota	N/A	N/A	60,101
☐ Mississippi	65,442	1,204	66,646

☐ Missouri 	N/A	N/A	57,379
☐ Montana 	4,888	0	4,888
☐ Nebraska 	N/A	N/A	28,104
☐ Nevada 	N/A	N/A	54,757
☐ New Hampshire 	N/A	N/A	6,779
☐ New Jersey 	N/A	N/A	184,061
☐ New Mexico 	N/A	N/A	21,965
☐ New York 	N/A	N/A	192,384
☐ North Carolina 	N/A	N/A	132,812
☐ North Dakota 	N/A	N/A	7,508
☐ Northern Marianas 	48	0	48
☐ Ohio 	93,402	5,273	98,675
☐ Oklahoma 	42,253	3,019	45,272
☐ Oregon 	20,636	0	20,636
☐ Palau 	N/A	N/A	0
☐ Pennsylvania 	113,969	3,310	117,279
☐ Puerto Rico 	8,573	12,851	21,424
☐ Rhode Island 	N/A	N/A	19,738
☐ South Carolina 	97,554	665	98,219
☐ South Dakota 	N/A	N/A	9,371
☐ Tennessee 	117,087	1,695	118,782
☐ Texas 	N/A	N/A	474,524
☐ Utah 	43,701	366	44,067
☐ Vermont 	N/A	N/A	1,448
☐ Virgin Islands 	N/A	N/A	528
☐ Virginia 	95,326	3,863	99,189
☐ Washington 	N/A	N/A	61,587
☐ West Virginia 	7,277	156	7,433
☐ Wisconsin 	58,768	4,260	63,028
☐ Wyoming 	2,490	510	3,000

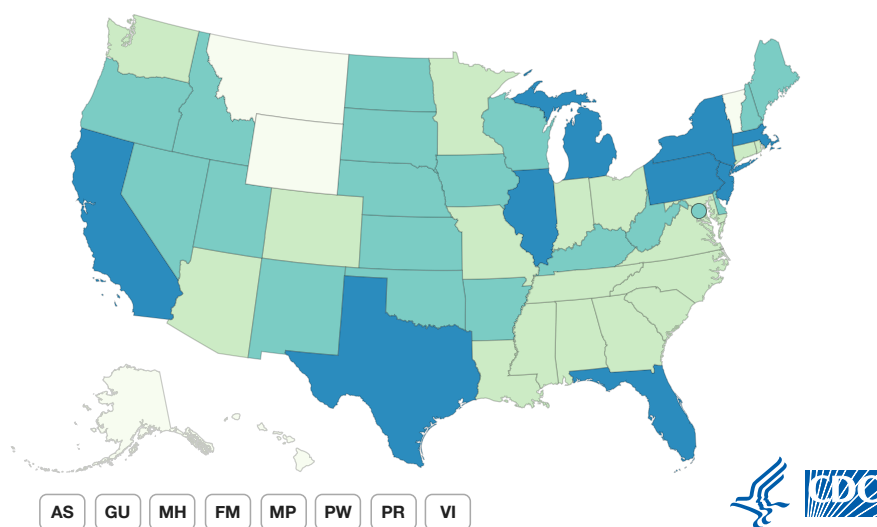
New York State's case and death counts do not include New York City's counts.

Not all jurisdictions report confirmed and probable cases and deaths to CDC. When not available to CDC, it is noted as N/A.

Thêm Bản Đồ Hoa Kỳ vào Trang Web của Quý Vị

Số ca tử vong theo khu vực phân quyền

Bản đồ này hiển thị số ca bệnh COVID-19 được báo cáo bởi các tiểu bang của Hoa Kỳ, Thủ đô Washington, Thành phố New York và các khu vực phân quyền trực thuộc Hoa Kỳ khác. Di chuột qua các bản đồ để xem số ca tử vong được báo cáo trong mỗi khu vực phân quyền. Để truy cập trang web của sở y tế của một khu vực phân quyền, nhấp vào khu vực đó trên bản đồ.



Số ca tử vong đã báo cáo

- ☐ 0 to 100
- ☐ 1,001 to 5,000
- ☐ 101 to 1,000
- ☐ 5.001 trở lên

Khu vực phân quyền

Jurisdiction	Số Tử Vong Đã Xác Nhận	Số Tử Vong Có Thể Có	Tổng Số Tử Vong
☐ Alabama	1,676	55	1,731
☐ Alaska	N/A	N/A	25
☐ American Samoa	N/A	N/A	0
☐ Arizona	3,860	221	4,081
☐ Arkansas	N/A	N/A	521
☐ California	N/A	N/A	10,011
☐ Colorado	1,516	341	1,857
☐ Connecticut	3,558	883	4,441
☐ Delaware	520	70	590
☐ Washington D.C.	N/A	N/A	589
☐ Florida	N/A	N/A	7,927

☐ Georgia 	N/A	N/A	4,117
☐ Guam 	N/A	N/A	5
☐ Hawaii 	N/A	N/A	30
☐ Idaho 	205	24	229
☐ Illinois 	7,613	209	7,822
☐ Indiana 	2,821	202	3,023
☐ Iowa 	N/A	N/A	913
☐ Kansas 	N/A	N/A	380
☐ Kentucky 	760	4	764
☐ Louisiana 	4,089	118	4,207
☐ Maine 	N/A	N/A	125
☐ Marshall Islands 	N/A	N/A	0
☐ Maryland 	3,440	137	3,577
☐ Massachusetts 	8,488	221	8,709
☐ Michigan 	6,247	277	6,524
☐ Micronesia 	N/A	N/A	0
☐ Minnesota 	1,648	41	1,689
☐ Mississippi 	1,812	62	1,874
☐ Missouri 	N/A	N/A	1,301
☐ Montana 	74	0	74
☐ Nebraska 	N/A	N/A	345
☐ Nevada 	N/A	N/A	947
☐ New Hampshire 	N/A	N/A	419
☐ New Jersey 	14,007	1,853	15,860
☐ New Mexico 	N/A	N/A	675
☐ New York 	N/A	N/A	8,874
☐ North Carolina 	N/A	N/A	2,134
☐ North Dakota 	N/A	N/A	112
☐ Northern Marianas 	2	0	2
☐ Ohio 	3,381	271	3,652
☐ Oklahoma 	599	0	599
☐ Oregon 	348	0	348
☐ Palau 	N/A	N/A	0
☐ Pennsylvania 	N/A	N/A	7,297
☐ Puerto Rico 	158	116	274
☐ Rhode Island 	N/A	N/A	1,014
☐ South Carolina 	1,883	79	1,962
☐ South Dakota 	144	0	144
☐ Tennessee 	1,167	39	1,206

☐ Texas 	N/A	N/A	8,096
☐ Utah 	336	0	336
☐ Vermont 	N/A	N/A	58
☐ Virgin Islands 	N/A	N/A	9
☐ Virginia 	2,211	111	2,322
☐ Washington 	N/A	N/A	1,672
☐ West Virginia 	N/A	N/A	127
☐ Wisconsin 	990	7	997
☐ Wyoming 	28	0	28

New York State’s case and death counts do not include New York City’s counts.

Not all jurisdictions report confirmed and probable cases and deaths to CDC. When not available to CDC, it is noted as N/A.

Thêm Bản Đồ Hoa Kỳ vào Trang Web của Quý Vị

Số ca bệnh và tử vong theo quận

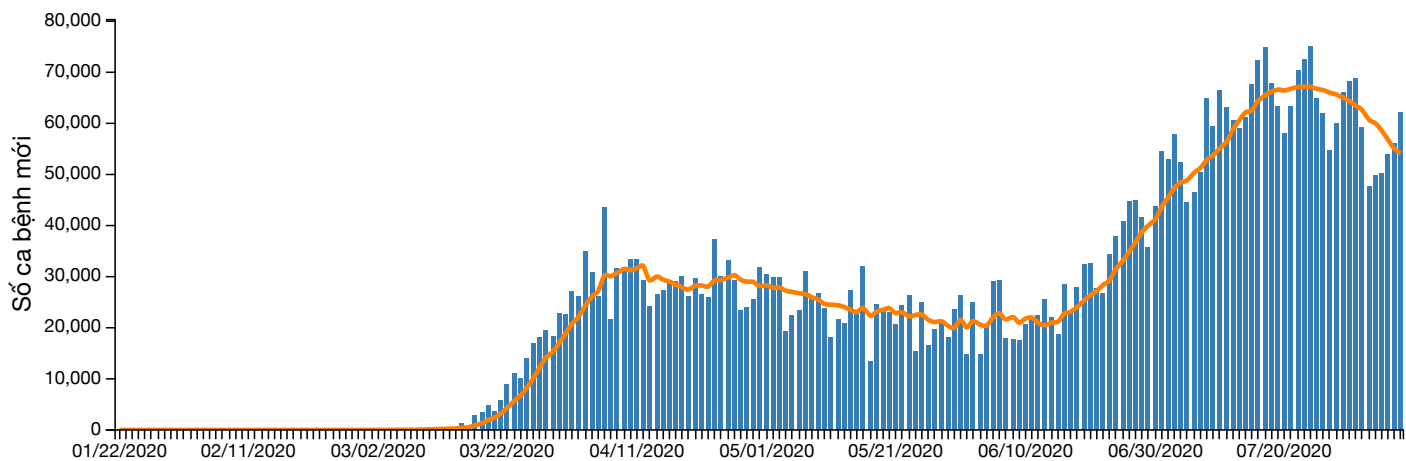
Chọn một tiểu bang để xem số ca bệnh và tử vong theo quận. Dữ liệu này được cung cấp từ [USAFacts.org](#) 

Chọn một Tiểu Bang

Hiển Thị Dữ Liệu Quốc Gia

Ca Bệnh Mới theo Ngày

Biểu đồ sau đây cho thấy số ca bệnh COVID-19 mới được báo cáo mỗi ngày ở Hoa Kỳ kể từ khi bắt đầu bùng phát. Di chuột qua các thanh để xem số ca bệnh mới theo ngày.



☐ Ca Bệnh ☐ Trung bình 7 ngày ☐ Cài đặt lại

Trung bình 7 ngày của các ca bệnh mới (ngày hiện tại + 6 ngày trước đó / 7) được tính toán để làm tròn các thay đổi dự kiến trong số đếm hàng ngày.

Xem dữ liệu

	01/22/2020	01/23/2020	01/24/2020	01/25/2020	01/26/2020	01/27/2020	01/28/2020	01/29/2020	01/30/2020
Ca Bệnh	1	0	1	0	3	0	0	0	
Trung bình 7 ngày	0	0	0	0	1	1	1	1	

Cuộn để xem thông tin bổ sung

Số ca bệnh và tử vong trong nhân viên chăm sóc y tế

Dữ liệu được thu thập từ 3.620.197 người, nhưng tình trạng nhân viên chăm sóc y tế chỉ có sẵn cho 787.333 (21,7%) người. Trong số 124.813 ca mắc COVID-19 trong lực lượng nhân viên chăm sóc y tế, số liệu tử vong chỉ có sẵn cho 85.320 (68,4%).

SỐ CA BỆNH TRONG LỰC LƯỢNG HCP

124.813

SỐ CA TỬ VONG TRONG LỰC LƯỢNG HCP

600

Healthcare personnel data are scheduled to be updated on Monday, August 10, 2020, at 12:45 pm ET.

Dữ liệu trước đây

CDC đã chuyển các thông tin sau sang trang [Dữ liệu về số ca bệnh COVID-19 trước đây ở Hoa Kỳ](#).

- Cấp độ lây truyền cộng đồng theo khu vực phân quyền - cập nhật lần cuối ngày 18 tháng 5 năm 2020
- Tổng số ca bệnh theo ngày - cập nhật lần cuối ngày 28 tháng 4 năm 2020
- Số ca bệnh theo nguồn phơi nhiễm - cập nhật lần cuối ngày 16 tháng 4 năm 2020
- Số ca bệnh từ Vũ Hán, Trung Quốc và du thuyền Diamond Princess - cập nhật lần cuối ngày 16 tháng 4 năm 2020
- Số ca bệnh theo ngày bắt đầu bệnh - cập nhật lần cuối ngày 15 tháng 4 năm 2020

Thông Tin Thêm

[COVIDView - Tóm Tắt Giám Sát Hàng Tuần về Hoạt Động Ứng Phó COVID-19 tại Hoa Kỳ](#)

[Dữ Liệu Trước Đó về Ca Bệnh COVID-19 tại Hoa Kỳ](#)

[Câu Hỏi Thường Gặp: Dữ Liệu và Giám Sát Tình Hình COVID-19](#)

[Dữ Liệu Xét Nghiệm tại Hoa Kỳ](#)

[Bản Đồ Thế Giới](#)

[Sở Y Tế](#)

Cập nhật lần cuối vào ngày 8 tháng 8 năm 2020, 07:00 Chiều

Nguồn nội dung: [Trung Tâm Quốc Gia về Chứng Ngừa và Bệnh Hô Hấp \(NCIRD\)](#), [Phân Ban Bệnh Do Vi-rút](#)